

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2025

“V/v ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ

Bà Phạm Thanh Tuyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Mãi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về "ly hôn, nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Anh **Phạm Văn T1**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008 chị và anh Phạm Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, thường hay cãi nhau, anh T1 không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con, lại còn hay uống rượu bia, cờ bạc. Vì thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn, cho cơ hội hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay

gắt hơn. Đỉnh điểm là vào đầu năm 2024, anh T1 có hành vi đánh, hăm dọa khiến chị hoảng sợ phải chuyển chỗ ở, chuyển chỗ làm. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Chị và anh T1 không còn tình cảm với nhau, không ai quan tâm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung và xây dựng gia đình với anh T1 nên chị làm đơn xin ly để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh T1 có 03 người con chung là Phạm Đại P, sinh ngày 09/02/2009, Phạm Thành D, sinh ngày 04/01/2012 và Phạm Thành Đ, sinh ngày 16/9/2018. Cháu P, Đ đang sống với chị; cháu D sống với anh T1. Tuy nhiên, gần đây chị về thăm cháu D thì thấy anh T1 để bà nội nuôi. Bà nội đã lớn tuổi (75 tuổi), chị có thỏa thuận với anh T1 là sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu D để cháu được chăm sóc, học hành tốt hơn, anh T1 và bà nội cũng đồng ý. Hiện nay cháu P, cháu D có nguyện vọng sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Chị và anh T1 không có nợ chung ai, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T1 không có, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

\* Bị đơn anh Phạm Văn T1 vắng mặt, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn anh T1 vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị T được ly hôn với anh T1; giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp

dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh T1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P vào năm 2008 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau. Anh T1 không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con, lại còn hay uống rượu bia, cờ bạc. Vì thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn, cho cơ hội hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn. Đỉnh điểm là vào đầu năm 2024 anh T1 có hành vi đánh, hăm dọa khiến chị hoảng sợ phải chuyển chỗ ở, chuyển chỗ làm. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh chị không thể cùng nhau xây dựng gia đình. Còn anh T1 vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia các phiên họp và phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau chị T và anh T1 có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nhưng không khắc phục được.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh T1.

[4] Về con chung: chị T và anh T1 có 03 người con chung là Phạm Đại P, sinh ngày 09/02/2009, Phạm Thành D, sinh ngày 04/01/2012 và Phạm Thành Đ, sinh ngày 16/9/2018. Cháu P, Đ đang sống với chị T, cháu P và cháu D đều có nguyện vọng sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con. Bà Nguyễn Thị Th, mẹ của anh T1 cho rằng anh T1 đi làm thuê, lâu lâu có về thăm con, nếu ly hôn thì bà không phụ nuôi cháu D nữa, để cha mẹ của D tự thỏa thuận nuôi.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao*

*con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Xét thấy, chị T có đủ điều kiện nuôi con, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề xuất của Kiểm sát viên, để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị T xác định anh chị không có tài sản chung, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí, nguyên đơn chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Phạm Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Đại P, sinh ngày 09/02/2009, Phạm Thành D, sinh ngày 04/01/2012 và Phạm Thành Đ, sinh ngày 16/9/2018 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về nợ chung: Chị T xác định anh chị không có nợ chung, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị T xác định anh chị không có tài sản chung, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005145 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Xuyến thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Văn Bảnh**